TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BỐ TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2019/HS-ST
Ngày 18-6-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Nguyễn Thị Thương

+ Bà Nguyễn Thị Minh

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhạn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Liên- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 49/2019/TLST-HS ngày 31/5/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2019/QĐXXST-HS ngày 06/6/2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị M; sinh ngày 02 tháng 3 năm 1967 tại huyện B, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 05/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B (đã chết) và bà Võ Thị N (chết); chồng, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 22/3/2019 cho đến nay. *Có mặt*

Nhân thân: Tại bản án số: 47/2012/HSST ngày 15/8/2012 Nguyễn Thị M bị TAND huyện Bố Trạch xử phạt 04 tháng tù. Đã thi hành xong bản án và ra trại ngày 05/01/2013.

2. Võ Thị B; sinh ngày 15 tháng 10 năm 1971 tại huyện H, tỉnh Quảng Trị; nơi ĐKNKTT: 8/5/36 T, phường P, TP. H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký hộ khẩu tạm trú: Thôn Đ, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Y (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; có chồng: Lê M và 04 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 22/3/2019 cho đến nay. *Có mặt*

** Người bị hại:*

- Anh Nguyễn Khánh D, sinh năm: 1993; Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện M, tỉnh Hưng Yên. *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05h ngày 10/3/2019 anh Nguyễn Khánh D trú tại Thôn T, xã H, huyện M, tỉnh Hưng Yên, là lái xe tải đường dài vào quán uống nước và yêu cầu được B massage. Sau đó B báo với M là có khách thì M nói "Khách đi đường xa có tiền thì lấy một tí", B hiểu và đồng ý. B đưa anh D vào phòng và anh D tự thay áo, quần dài để trên giường sát lỗ trống trên tường và nằm để B massage. Lúc này M đi vòng ra phía sau phòng đến vị trí lỗ trống thò tay vào trong kéo cái quần của anh D ra lục ví lấy một xấp tiền rồi đẩy ví và quần lại vị trí củ thì bị anh D phát hiện. M bỏ chạy ra sau nhà đếm số tiền lấy trộm được 6.500.000 đồng (gồm 13 tờ mệnh giá 500.000). M bỏ lại dưới gốc cây dừa 4.500.000 đồng và mang theo người 2.000.000 đồng đến quán ăn sáng rồi điện thoại cho B. B đến quán ăn sáng gặp M thì M đưa cho Bích 2.000.000đ và nói là số tiền lấy trộm được. Sau khi bị mất tiền, anh D đến Công an huyện Bố Trạch trình báo toàn bộ sự việc.

Vật chứng vụ án: Nguyễn Thị M tự nguyện giao nộp 4.500.000 đồng, Võ Thị B tự nguyện giao nộp 2.000.000 đồng cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Bố Trạch. Vật chứng vụ án đã được Cơ quan CSĐT Công an huyện Bố Trạch xử lý trả lại cho anh Nguyễn Khánh D.

Trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Khánh D đã nhận lại toàn bộ tài sản, hiện không yêu cầu gì thêm.

Cáo trạng số: 47/CT-VKSBT ngày 30/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch truy tố Nguyễn Thị M và Võ Thị B về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, h, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 BLHS xử phạt Nguyễn Thị M mức án từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ; áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 BLHS xử phạt Võ Thị B mức án từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ; Về trách nhiệm dân sự miễn xét; Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo; buộc bị cáo Nguyễn Thị M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Võ Thị B.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo nhận thấy hành vi phạm tội của mình đã gây ra là vi phạm pháp luật, nên rất ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử xem xét để được hưởng chính sách khoan hồng của Pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Phiên toà vắng mặt người bị hại. Tuy nhiên, sự vắng mặt của họ không gây ảnh hưởng đến việc xác định tội danh và quyết định hình phạt đối với bị cáo, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định chung.

[2] Về hành vi phạm tội và tội danh: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ quá trình thực hiện hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng đã truy tố; phù hợp với lời khai của người bị hại, tang vật vụ án được thu giữ cũng như các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, HĐXX có đủ cơ sở xác định: Do động cơ hám lợi Nguyễn Thị M và Võ Thị B đã có hành vi len lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của anh Nguyễn Khánh D số tiền 6.500.000 đồng.

Trong vụ án này, các bị cáo có sự bàn bạc, phân công với nhau về thủ đoạn thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên hành vi phạm tội của các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ trong khi thực hiện, chỉ mang tích chất đồng phạm giản đơn, không có tổ chức.

Với hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác với lỗi cố ý trực tiếp có tổng giá trị như trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS năm 2015. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát và bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Về nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Các Bị cáo đều là người trưởng thành, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhưng lại không chịu lao động chính đáng mà muốn có thu nhập một cách nhanh chóng nên đã lợi dụng dụng sự sơ hở của chủ sở hữu để thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ; gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó cần xử phạt các bị cáo mức án đủ nghiêm mới có đủ tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Xét trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà, các bị cáo đều có thái độ thành khẩn trong khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải; sau khi phạm tội các bị cáo đã tự nguyện giao nộp toàn bộ tang vật vụ án để khắc phục hậu quả của hành vi phạm tội đã gây ra; hành vi phạm tội của các bị

cáo gây thiệt hại không lớn về tài sản. Do đó các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, s khoản 1, Điều 51 BLHS năm 2015.

Đối với Võ Thị B còn thuộc trường hợp phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; gia đình thuộc diện hộ nghèo (Giấy chứng nhận hộ nghèo, mã số 0073, cấp ngày 01/01/2019 của UBND phường Phú Hội, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế) cho nên bị cáo Bích còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 BLHS năm 2015 thì "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đến 50.000.000 đồng"*. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo buôn bán nhỏ lẽ, thu nhập không ổn định cho nên Hội đồng xét xử quyết định miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Các bị cáo đã tự nguyện giao nộp toàn bộ tài sản đã chiếm đoạt cho Cơ quan cảnh sát điều tra trả lại cho người bị hại, người bị hại không có yêu cầu gì thêm nên miễn xét.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo Võ Thị B thuộc diện hộ nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 BLHS năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Thị M.

Căn cứ Khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 BLHS năm 2015 đối với bị cáo Võ Thị B.

1. Tuyên bố bị các bị cáo Nguyễn Thị M và Võ Thị B phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt: Nguyễn Thị M 12 *(Mười hai)* tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày UBND xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình nhận được Bản án và Quyết định thi hành án của Tòa án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Mến cho UBND xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình và gia đình có trách nhiệm phối hợp giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt: Võ Thị B 09 *(Chín)* tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày UBND xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình nhận được Bản án và Quyết định thi hành án của Tòa án.

Giao bị cáo Võ Thị B cho UBND xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình và gia đình có trách nhiệm phối hợp giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối đối với các bị cáo.

2. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 BLTTHS và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

- Bị cáo Võ Thị B được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, báo cho bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn trên kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh QB;
- VKSND tỉnh QB;
- Sở Tư pháp tỉnh QB;
- VKSND huyện Bố Trạch;
- CA huyện Bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- UBND xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch, QB
- Bị cáo; Người bị hại;
- Lưu: HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Trần Trung Thành

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh **Nguyễn Thị Thương** **Trần Trung Thành**